

THỰC THI QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ TẠI BIÊN GIỚI - SO SÁNH QUY ĐỊNH CỦA HIỆP ĐỊNH TRIPS/WTO VỚI QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM

ThS. VŨ THỊ HỒNG YẾN *

1. Các yêu cầu của thủ tục thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại biên giới

1.1. Về xác định giới hạn các hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ cần xử lý

Hiệp định TRIPs từ Điều 51 đến Điều 60 có các quy định về thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại biên giới. Theo đó, Hiệp định yêu cầu các biện pháp đặc biệt tại biên giới chỉ được áp dụng cho các hành vi vi phạm nhãn mác⁽¹⁾ và bản quyền⁽²⁾ mà không mở rộng tới tất cả các hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ khác. Lí do là ở đây có những khó khăn cho các cơ quan hải quan khi phải điều tra xác minh các hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ khác ngoài nhãn mác và bản quyền. Tiến hành điều tra tìm các chứng cứ của hành vi vi phạm đối với các con chip bán dẫn điện tử hoặc những sản phẩm có nội dung là một phần của hành vi vi phạm sáng chế hoặc kiểu dáng công nghiệp có thể đặt ra nghĩa vụ nặng nề cho các cơ quan hải quan của bất kì nước nào, đặc biệt trong các nước đang phát triển. Đây là nghĩa vụ tối thiểu mà Hiệp định TRIPs đặt ra cho các nước là thành viên của WTO nhưng cũng không hạn chế việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại biên giới đối với các hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ khác.

Theo quy định của pháp luật Việt Nam (Điều 57 Luật hải quan) thì tất cả các quyền sở hữu trí tuệ đều được bảo vệ bởi biện

pháp kiểm soát biên giới. Quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật Việt Nam bao gồm hai lĩnh vực cơ bản như quyền tác giả (quyền của tác giả đối với các tác phẩm văn học nghệ thuật khoa học, quyền của người biểu diễn, của tổ chức sản xuất băng âm thanh, đĩa âm thanh, băng hình, đĩa hình, quyền của tổ chức phát thanh truyền hình) và quyền sở hữu công nghiệp (sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, chỉ dẫn địa lí, tên gọi xuất xứ hàng hoá, tên thương mại, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, bí mật kinh doanh, giống cây trồng). Như vậy, so với quy định của Hiệp định TRIPs về các hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ được thực thi bởi biện pháp kiểm soát biên giới thì quy định của pháp luật Việt Nam mở rộng hơn. Quy định này không những đòi hỏi các cán bộ thực thi của cơ quan hải quan phải có trình độ nghiệp vụ cao, năng lực làm việc tốt mà còn đòi hỏi phải có cả kiến thức sâu rộng về lĩnh vực sở hữu trí tuệ thì mới có thể phát hiện kịp thời chính xác các hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.

1.2. Về lĩnh vực áp dụng các biện pháp kiểm soát biên giới

Biện pháp kiểm soát biên giới trong Hiệp

* Giảng viên Khoa luật dân sự
Trường Đại học Luật Hà Nội

định TRIPs chỉ được áp dụng đối với việc nhập khẩu những hàng hoá được coi là có hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ và không áp dụng đối với việc xuất khẩu những hàng hoá như vậy. Quyền sở hữu trí tuệ là loại quyền dựa trên nguyên tắc lãnh thổ, có nghĩa là quyền sở hữu trí tuệ chỉ có thể tồn tại và được thực thi là vấn đề thuộc luật của mỗi một quốc gia. Do vậy, quyền sở hữu trí tuệ đã được ghi nhận ở nước nào thì chỉ được thực thi trong phạm vi thẩm quyền lãnh thổ của nước đó, tương tự nếu thuộc phạm vi thẩm quyền lãnh thổ của một nước khác thì chúng sẽ không được đảm bảo thực thi ngoại trừ chủ thể quyền sở hữu trí tuệ đã đăng kí nhãn hiệu hàng hoá hay đạt được một sáng chế vượt ra ngoài giới hạn phạm vi của đất nước mình. Nguyên tắc lãnh thổ đặt ra hai vấn đề cần phải giải quyết nếu biện pháp kiểm soát biên giới được áp dụng cho cả hoạt động xuất khẩu những hàng hoá vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.⁽³⁾

Thứ nhất, đó là khó khăn để chứng minh rằng hàng hoá được xuất khẩu là hàng hoá vi phạm quyền sở hữu trí tuệ xuất phát từ khả năng có những hàng hoá được xem là vi phạm ở nước này nhưng lại không bị coi là vi phạm ở nước khác. Bởi lẽ, đôi khi có những hàng hoá được sản xuất hợp pháp tại một nước nhưng lại không hợp pháp nếu bán những hàng hoá đó trong phạm vi lãnh thổ của nước đó. Và nếu hàng hoá đó được bán ra ngoài phạm vi lãnh thổ của nước này nhưng lại không được coi là vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của nước khác. Trong hoàn cảnh này, đây là một trở ngại cho hải quan của nước xuất khẩu để tìm xem liệu hàng hoá có vi

phạm quyền của chủ sở hữu trí tuệ hay không nếu chúng được xuất sang một nước khác.

Thứ hai, áp dụng biện pháp kiểm soát biên giới đối với hàng hoá xuất khẩu cũng không mang lại hiệu quả và lợi ích kinh tế. Trong thực tiễn thương mại quốc tế, theo thông lệ là những hàng hoá được sản xuất mà có vi phạm về nhãn mác có thể xuất khẩu sang những nước mà quyền của chủ sở hữu trí tuệ không được bảo hộ theo pháp luật của nước đó. Thậm chí nếu hàng hoá được xuất khẩu sang một nước mà vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của chủ sở hữu theo pháp luật của nước này nhưng cũng không cần thiết để cơ quan hải quan của nước xuất khẩu thực thi biện pháp kiểm soát biên giới đối với hàng hoá xuất khẩu này bởi vì việc xuất khẩu đó không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ được bảo vệ bởi nước xuất khẩu.

Như vậy, với các lí do trên mà Hiệp định TRIPs yêu cầu các nước thành viên áp dụng biện pháp kiểm soát biên giới đối với nhập khẩu bởi từ “nên” và để cho các nước này có một quyết định đúng đắn khi quy định áp dụng biện pháp kiểm soát biên giới đối với xuất khẩu bởi từ “có thể”.

Đối với Việt Nam, biện pháp kiểm soát biên giới được áp dụng đối với tất cả hàng hoá vi phạm quyền sở hữu trí tuệ vào và ra khỏi lãnh thổ Việt Nam. Điều 57 Luật hải quan quy định biện pháp kiểm soát biên giới được áp dụng đối với những quyền sở hữu trí tuệ mà chúng liên quan đến việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá và được bảo vệ bởi luật và những quy định hành chính của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nhu cầu cấp bách nhằm hoàn thiện việc bảo hộ

quyền sở hữu trí tuệ là lí do chính để Việt Nam áp dụng biện pháp kiểm soát biên giới đối với cả xuất khẩu. Đây được xem là yếu tố để tăng thêm vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế về thiện chí thực thi quyền sở hữu trí tuệ một cách triệt để nhất.

1.3. Về đơn yêu cầu thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại biên giới

Các quy định về thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong Hiệp định TRIPs luôn hướng tới hai mục tiêu cơ bản: Một là, bảo đảm phải có các biện pháp thực thi có hiệu quả cho các chủ thể quyền; hai là, bảo đảm các thủ tục thực thi được áp dụng theo cách thức tránh tạo ra các rào cản cho thương mại hợp pháp và bảo đảm chống sự lạm dụng các biện pháp đó.⁽⁴⁾ Do vậy, các nước đang phát triển cần nhận thức rõ điều này khi tuân thủ các trình tự thực thi một cách rất cẩn thận và chính xác.

Điều 52 của Hiệp định TRIPs đặt ra nghĩa vụ cho chủ thể có quyền sở hữu trí tuệ bị xâm phạm phải làm một đơn yêu cầu để đình chỉ việc nhập khẩu hàng hoá, cung cấp các bằng chứng sơ bộ tương đối về hành vi vi phạm và phải đưa ra một bản mô tả chi tiết đầy đủ về hàng hoá vi phạm để làm cho chúng dễ dàng bị nhận biết bởi các cơ quan hải quan. Theo quy định tại Điều 6 Luật hải quan thế giới năm 1995 có đưa ra một vài các ví dụ về bằng chứng mà chủ thể quyền phải nêu ra như:⁽⁵⁾

- Tên và địa chỉ của người nhập khẩu hay của người nhận hàng hoá;
- Tên nước hay nguồn gốc của nơi hàng hoá được sản xuất;
- Địa điểm sản xuất hay phân phối hàng hoá đó;

- Nhân mác đăng kí và hình mẫu của hàng hoá mà chúng được gắn với nhân mác đó hoặc một ảnh chụp của hàng hoá đó hoặc các hình thức khác tương tự;

- Hình thức vận chuyển của hàng hoá đó;
- Xác định người vận chuyên;
- Nơi hàng đến và được giới thiệu, trung bày;
- Dự tính ngày hàng tới.

Không những thế, cơ quan hải quan có thẩm quyền cũng có thể có quyền yêu cầu người nộp đơn phải cung cấp thêm các bằng chứng cụ thể khác nữa nếu thấy chúng là cần thiết và phù hợp.

Theo Điều 53 của Hiệp định TRIPs, các cơ quan có thẩm quyền có quyền yêu cầu người nộp đơn cung cấp một khoản tiền cọc hoặc tiền bảo chứng tương đương đủ để bảo vệ quyền lợi của bị đơn và của cơ quan có thẩm quyền cũng như để nhằm ngăn chặn hành vi lạm quyền của người nộp đơn. Như vậy, tiền bảo chứng được coi như là một điều kiện tiên quyết để đưa ra lệnh ngăn chặn những hàng hoá được xem như là vi phạm.

Theo quy định của pháp luật Việt Nam khi đề nghị tạm dừng thủ tục hải quan đối với lô hàng nhập khẩu có nghi ngờ vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, người yêu cầu phải tiến hành các bước sau đây:⁽⁶⁾

- Có đơn đề nghị tạm dừng thủ tục hải quan;
- Nộp một khoản tiền tạm ứng vào một tài khoản tạm giữ của hải quan để đảm bảo cho việc bồi thường thiệt hại cho người nhập khẩu, xuất khẩu và thanh toán các chi phí phát sinh cho các tổ chức và cơ quan liên quan do việc đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan không đúng gây ra;
- Xuất trình văn bằng bảo hộ hoặc tài liệu

chứng minh chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ;

- Đưa ra chứng cứ ban đầu về hàng hoá nhập khẩu bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Như vậy, các quy định của pháp luật Việt Nam về trình tự thủ tục áp dụng biện pháp kiểm soát biên giới cơ bản là phù hợp với quy định của Hiệp định TRIPs. Tuy nhiên, riêng đối với quyền được kiểm tra và thông tin của người nộp đơn hay người nhập khẩu hiện tại còn trống trong quy định của pháp luật Việt Nam. Điều 57 Hiệp định TRIPs đưa ra quyền được kiểm tra và thông tin đối với cả người làm đơn và người nhập khẩu để khẳng định hay bác bỏ hành vi khiêu kiện đối với hành vi vi phạm. Theo đó, toà án có thể yêu cầu bên thứ ba như cơ quan hải quan tiết lộ các thông tin như: Tên và địa chỉ của người uỷ thác nhập khẩu, người nhập khẩu và người nhập khẩu uỷ thác, về số lượng hàng hoá liên quan thậm chí cả các thông tin về các kênh phân phối hàng hoá đó. Với yêu cầu này của Hiệp định TRIPs thì hiện nay các nước đang phát triển như Ấn Độ, Malaysia, Thailand, Singapore trong đó có cả Việt Nam đều không có bất kì thủ tục tố tụng nào được đặt ra cho quy định này. Trong tương lai gần, các nước đang phát triển cần phải bổ sung, sửa đổi pháp luật của nước mình về quyền thông tin cho người nộp đơn về những chi tiết liên quan đến hành vi vi phạm đã được khẳng định một cách chính xác.

2. Các biện pháp chế tài được áp dụng

2.1. Đình chỉ việc thông quan đối với hàng hoá

Một trong những biện pháp xử lý của cơ quan hải quan có thẩm quyền đối với hàng

hoá có nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ là đình chỉ thông quan đối với hàng hoá đó. Việc đình chỉ thông quan đối với hàng hoá phải được thông báo đầy đủ cho cả người nhập khẩu và cả nguyên đơn được biết. Trong thời hạn 10 ngày kể từ khi nhận được thông báo mà chủ thể quyền không tiến hành khởi kiện để có phán quyết về vụ việc thì hàng hoá sẽ được thông quan bình thường.⁽⁷⁾ Khi đó với số tiền bảo chứng đã nộp, người nộp đơn phải thanh toán tiền đền bù thích hợp cho những người có lợi ích bị ảnh hưởng bất lợi do việc tạm giữ sai trái hàng hoá gây ra hoặc do việc tạm giữ hàng hoá đã thông quan nhưng người nộp đơn không tiến hành khởi kiện đúng thời hạn để có phán quyết về vụ việc.

Các quy định của pháp luật Việt Nam về thủ tục tạm dừng thông quan đối với hàng hoá nghi ngờ vi phạm quyền sở hữu trí tuệ cũng tương đối phù hợp với các quy định trong Hiệp định TRIPs. Theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định của Chính phủ số 101/2001/NĐ-CP ngày 31/12/2001 quy định chi tiết một số điều của Luật hải quan thì khi người nộp đơn đã đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về đề nghị tạm dừng thì chỉ cục trưởng chỉ cục hải quan có quyền ra quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với lô hàng. Quyết định tạm dừng phải ghi rõ lí do và thời hạn tạm dừng để các bên liên quan đến lô hàng biết mà thực hiện. Thời hạn tạm dừng là 10 ngày kể từ ngày quyết định tạm dừng được ban hành. Chỉ cục trưởng chỉ cục hải quan quyết định gia hạn đối với thời hạn tạm dừng trên trong trường hợp người yêu cầu tạm dừng có đơn xin kéo

dài thời hạn tạm dừng trước ngày quyết định tạm dừng hết thời hạn và phải đóng bổ sung một khoản tiền tạm ứng. Kết thúc thời hạn trên sẽ có 2 khả năng sau đây xảy ra:

+ Người nộp đơn không đưa ra được bằng chứng hay kết luận của các cơ quan có thẩm quyền chứng minh lô hàng bị tạm dừng có vi phạm quyền sở hữu trí tuệ hoặc không có cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nào hay toà án có văn bản yêu cầu cơ quan hải quan bàn giao hàng hoá đang bị tạm dừng làm thủ tục hải quan để giải quyết thì chỉ cục trưởng chỉ cục hải quan được quyền quyết định:

- Làm thủ tục thông quan cho lô hàng;
- Buộc người nộp đơn phải đền bù những tổn thất cho bên nhập khẩu hay xuất khẩu do yêu cầu tạm dừng không đúng gây ra; thanh toán các chi phí lưu kho bãi, bảo quản hàng hoá và các chi phí khác cho cơ quan hải quan và các cá nhân tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật. Trường hợp tiền tạm ứng không đủ thanh toán các chi phí nêu trên thì người yêu cầu phải có trách nhiệm nộp bổ sung phần còn thiếu.

+ Người nộp đơn chứng minh được chủ hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đã vi phạm quyền sở hữu trí tuệ thì chủ hàng hoá và lô hàng đó sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật như sau:

- Chủ hàng hoá xuất nhập khẩu chịu trách nhiệm trước pháp luật thực hiện các quyết định xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (trách nhiệm hành chính hoặc hình sự);
- Bồi thường toàn bộ thiệt hại gây ra cho chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ;
- Thanh toán các chi phí do việc tạm dừng gây ra.

2.2. Các biện pháp chế tài khác

Điều 59 Hiệp định TRIPs yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền như hải quan hoặc toà án được quyền loại bỏ hoặc phá huỷ những hàng hoá vi phạm. Do vậy, những hàng hoá này sẽ không được đưa vào lưu thông trong các kênh thương mại. Đối với hàng hoá giả mạo nhãn hiệu, cơ quan có thẩm quyền không được cho phép tái xuất hàng hoá xâm phạm ở tình trạng chưa thay đổi hoặc chuyển chúng sang một thủ tục hải quan khác, trừ những trường hợp ngoại lệ. Điều 60 Hiệp định này cho phép nhập khẩu hàng hoá với số lượng nhỏ trong hành lý của cá nhân là một ngoại lệ của biện pháp kiểm soát biên giới.

Theo quy định của pháp luật hiện hành thì hải quan Việt Nam là cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp hành chính để xử lý hành vi vi phạm liên quan đến sở hữu trí tuệ, cụ thể:

- Quyết định mức xử phạt vi phạm hành chính: Cảnh cáo hoặc phạt tiền (mức phạt tiền tối đa là 100 triệu đồng được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ).⁽⁸⁾

- Quyết định áp dụng một số hình thức phạt bổ sung khác như: Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, tịch thu tang vật phương tiện được sử dụng để vi phạm.

- Tuỳ theo tính chất mức độ vi phạm, cơ quan hải quan có thể quyết định thêm các biện pháp xử lý khác như: Buộc loại bỏ các yếu tố vi phạm, buộc tiêu huỷ, buộc bồi thường thiệt hại.

Như vậy, chế tài của biện pháp kiểm soát biên giới theo pháp luật Việt Nam là khá phù hợp với các tiêu chí mà Hiệp định TRIPs đã đặt ra. Trong các biện pháp nêu trên thì việc

buộc loại bỏ hay tiêu huỷ hàng hoá vi phạm được coi là biện pháp có tính chất nghiêm khắc và răn đe nhất, bởi nó đánh vào lợi ích kinh tế của bên vi phạm và bảo vệ triệt để hàng hoá của chủ sở hữu trí tuệ trong các kênh lưu thông thương mại hợp pháp trên thị trường. Riêng đối với quy định về ngoại lệ của biện pháp kiểm soát biên giới đối những hàng hoá phi thương mại, với số lượng nhỏ trong hành lí của cá nhân hiện tại mới chỉ được áp dụng đối với lĩnh vực quyền tác giả còn trong lĩnh vực quyền sở hữu công nghiệp thì chưa có quy định cụ thể. Theo Thông tư liên tịch số 58/2003/TTLT-BVHTT-BTC ngày 17/10/2003 của Bộ văn hoá thông tin và Bộ tài chính hướng dẫn bảo hộ quyền tác giả tại cơ quan hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu thì *“hàng hoá quá cảnh, hàng hoá tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập có thời hạn để trưng bày, triển lãm, giới thiệu sản phẩm hoặc để người tiêu dùng phân biệt nhận biết hàng vi phạm quyền tác giả, hàng hoá là quà biếu, quà tặng trong tiêu chuẩn được miễn thuế, hành lí cá nhân theo quy định không thuộc phạm vi hàng hoá được yêu cầu bảo hộ quyền tác giả tại cơ quan hải quan”*.

3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật Việt Nam về biện pháp kiểm soát tại biên giới đối với hàng hoá vi phạm quyền sở hữu trí tuệ

Trên cơ sở so sánh quy định của pháp luật Việt Nam với các quy định của Hiệp định TRIPs về vấn đề thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại biên giới tác giả mạnh dạn đề xuất một số kiến nghị sau đây nhằm hoàn thiện hơn nữa các quy định của pháp luật Việt Nam.

Thứ nhất, về đơn đề nghị tạm dừng thủ

tục hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu có nghi ngờ vi phạm quyền sở hữu trí tuệ. Theo quy định hiện hành, đơn yêu cầu này phải có đầy đủ các thông tin cần thiết thì cơ quan hải quan mới chấp nhận. Đây là điều thực sự gây khó khăn cho chủ thể quyền sở hữu trí tuệ bởi họ rất tốn kém thời gian cũng như công sức để có thể tìm được đầy đủ các thông tin đó. Ví dụ như để có được thông tin về phương tiện, đường vận chuyển của hàng hoá vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đôi khi là không thể bởi nếu hàng hoá này lại được vận chuyển một cách lén lút để trốn thuế hoặc rất khó mà biết được hàng hoá vi phạm nào đang đến với số lượng là bao nhiêu, ai là người nhận hàng hoá trừ phi họ cũng phải trực tiếp tham gia vào chính hoạt động vận chuyển bất hợp pháp này. Chính bởi vậy, pháp luật Việt Nam cần quy định cụ thể hơn về quyền được thông tin và kiểm tra của người nộp đơn cùng với nghĩa vụ phải cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến lô hàng có nghi ngờ vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của các cơ quan chức năng như cơ quan hải quan.

Thứ hai, theo quy định hiện nay, đơn yêu cầu tạm dừng thủ tục hải quan phải được nộp tại cơ quan hải quan nơi có cảng đến của hàng hoá vi phạm. Nếu hàng hoá vi phạm lại được cập bến tại nhiều cảng khác nhau, tại những địa điểm biên giới xa xôi, hẻo lánh mà buộc người nộp đơn phải nộp tại tất cả các cơ quan đó thì rất phức tạp và tốn kém, gây khó khăn cho người yêu cầu. Nên chăng, quy định của pháp luật cho phép người yêu cầu được nộp đơn tại một cơ quan hải quan nhất định và đơn này sẽ có hiệu lực trên phạm vi toàn quốc.

Thứ ba, về việc nộp số tiền bảo chứng chỉ nên áp dụng đối với những trường hợp cụ thể nhất định. Việc nộp tiền bảo chứng nhằm mục đích tránh sự lạm quyền của người nộp đơn và khắc phục những thiệt hại do việc tạm dừng thủ tục không đúng gây ra, chính bởi vậy nếu trường hợp bằng chứng của sự vi phạm là rõ ràng thì không nhất thiết phải yêu cầu người nộp đơn phải nộp một khoản tiền bảo chứng. Luật hải quan của Nhật Bản quy định về vấn đề này như sau: Nếu giữa người nộp đơn và nhà nhập khẩu có ý kiến trái ngược nhau về lô hàng bị nghi vấn, gây khó khăn cho việc xác minh lô hàng có vi phạm hay không, tổng cục trưởng tổng cục hải quan sẽ yêu cầu người nộp đơn phải nộp một khoản tiền bảo chứng tùy theo từng trường hợp cụ thể.⁽⁹⁾

Thứ tư, về mạng lưới thông tin sở hữu trí tuệ nên thống nhất trong phạm vi toàn quốc giữa mạng thông tin về đăng ký các đối tượng sở hữu công nghiệp với hệ thống thông tin về thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại biên giới như vậy sẽ giúp cho việc điều tra về các hàng hoá vi phạm quyền sở hữu trí tuệ nhanh chóng hơn, hiệu quả hơn và giảm được gánh nặng cho Chính phủ trong việc phân chia nguồn lực để quản lý hai hệ thống thông tin biệt lập như hiện nay.

Tóm lại, thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại biên giới là một nhân tố quan trọng để tạo nên môi trường sở hữu trí tuệ lành mạnh, tạo nên sự tin tưởng của các nhà đầu tư nước ngoài khi quyết định đầu tư công nghệ vào thị trường Việt Nam và cũng được coi là một yếu tố quan trọng để khẳng định những bước đi của chúng ta trong con trường hội nhập

kinh tế, quốc tế./.

(1). “Hàng hoá mang nhãn hiệu giả mạo” phải có nghĩa là bất cứ hàng hoá nào, kể cả bao bì, mang nhãn hiệu hàng hoá trùng với nhãn hiệu hàng hoá đã được đăng ký cho hàng hoá đó hoặc không thể phân biệt với nhãn hiệu đó về những khía cạnh cơ bản mà không được phép và do vậy xâm phạm các quyền của chủ sở hữu nhãn hiệu hàng hoá đó theo luật của nước nhập khẩu - Chú thích 14(a) của Hiệp định TRIPs, Bản dịch của Cục sở hữu công nghiệp (nay là Cục sở hữu trí tuệ) 5/2001.

(2). “Hàng hoá vi phạm bản quyền” phải có nghĩa là bất cứ hàng hoá nào là bản sao được làm ra mà không có sự đồng ý của người nắm giữ quyền hoặc người được phép của người nắm giữ quyền ở nước sản xuất và hàng hoá đó được làm ra trực tiếp hoặc gián tiếp từ một sản phẩm mà việc làm bản sao của sản phẩm đó cấu thành hành vi xâm phạm bản quyền hoặc quyền liên quan theo luật của nước nhập khẩu - Chú thích 14(b) của Hiệp định TRIPs, Bản dịch của Cục sở hữu trí tuệ 5/2001.

(3). Xem Zhong Jianhua, Biện pháp bảo vệ biên giới đối với quyền sở hữu trí tuệ ở Hồng Kông: Nghiên cứu so sánh với vị trí của lãnh thổ Trung Quốc, <http://www.westlaw.international.com>.

(4). Chương 20 Tài liệu tóm tắt của các khoá học về chính sách thương mại của Tổ chức thương mại thế giới, Tài liệu hội thảo về thực thi quyền sở hữu trí tuệ - Chương trình hợp tác đặc biệt giữa Chính phủ Việt Nam và Thụy Sĩ năm 2002.

(5). Xem: Jayashree Watal, “Intellectual property Rights in the WTO and developing countries”, Kluwer Law International, November, 2000, page 357.

(6). Xem Điều 14 Nghị định của Chính phủ số 101/2001/ND-CP ngày 31/12/2001 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hải quan về thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan.

(7). Điều 55 Hiệp định TRIPs.

(8). Xem: Điều 12 Nghị định của Chính phủ số 12/1999/ND-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.

(9). Xem: Bài giới thiệu về kiểm soát hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của hải quan tại Nhật Bản của Ngài TAKIKO SUZUKI - điều tra cao cấp Cục thông quan hải quan TOKYO, Tài liệu hội thảo về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của Nhật Bản, 1999.